1. **Manage Default Project**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC9 | |
| **Use-case name:** | Manage Default Project | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Quản lý các Dự án mặc định được thiết lập sẵn. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn More Action trên Menu. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Người dùng nhấp chọn Manage Default Project. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn mặc định. |
| 5. Người dùng nhấp chọn một trong các Dự án mặc định. |  |
|  | 6. Hệ thống lấy dữ liệu toàn bộ Task từ CSDL và lọc tương ứng rồi hiển thị. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người muốn xem và thao tác lên các Task trong một Dự án mặc định. | |
| **Pre-condition:** | Phải tồn tại thông tin Project trong CSDL. | |
| **Post-condition:** | Trả về dữ liệu của Dự án mặc định được chọn, trả về dữ liệu sau khi được cập nhập. | |

**9.1. Using Inbox Project**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC9.1 | |
| **Use-case name:** | Using Inbox Project | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Truy cập vào Dự án mặc định Inbox để xem và cập nhập nếu cần thiết. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn More Action trên Menu. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Người dùng nhấp chọn Manage Default Project. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn mặc định. |
| 5. Người dùng nhấp chọn Inbox. |  |
|  | 6. Hệ thống lấy dữ liệu toàn bộ Task từ CSDL và lọc Inbox rồi hiển thị. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người muốn xem và thao tác lên các Task trong Dự án mặc định Inbox. | |
| **Pre-condition:** | Phải tồn tại thông tin Project trong CSDL. | |
| **Post-condition:** | Trả về dữ liệu của Dự án mặc định Inbox để xem, trả về dữ liệu sau khi được cập nhập. | |

**9.2. Using Today Project**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC9.2 | |
| **Use-case name:** | Using Today Project | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Truy cập vào Dự án mặc định Today để xem và cập nhập nếu cần thiết. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn More Action. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Người dùng nhấp chọn Manage Default Project. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn mặc định. |
| 5. Người dùng nhấp chọn Today. |  |
|  | 6. Hệ thống lấy dữ liệu toàn bộ Task từ CSDL và lọc Today rồi hiển thị. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người muốn xem và thao tác lên các Task trong Dự án mặc định Today. | |
| **Pre-condition:** | Phải tồn tại thông tin Project trong CSDL. | |
| **Post-condition:** | Trả về dữ liệu của Dự án mặc định Today, để xem, trả về dữ liệu sau khi được cập nhập. | |

**9.3. Using Tomorrow Project**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC9.3 | |
| **Use-case name:** | Using Tomorrow Project | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Truy cập vào Dự án mặc định Inbox để xem và cập nhập nếu cần thiết. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn More Action trên Menu. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Người dùng nhấp chọn Manage Default Project. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn mặc định. |
| 5. Người dùng nhấp chọn Tomorrow. |  |
|  | 6. Hệ thống lấy dữ liệu toàn bộ Task từ CSDL và lọc Tomorrow rồi hiển thị. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người muốn xem và thao tác lên các Task trong Dự án mặc định Tomorrow. | |
| **Pre-condition:** | Phải tồn tại thông tin Project trong CSDL. | |
| **Post-condition:** | Trả về dữ liệu của Dự án mặc định Tomorrow để xem, trả về dữ liệu sau khi được cập nhập. | |

**9.4. Using Week Project**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC9.4 | |
| **Use-case name:** | Using Week Project | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Truy cập vào Dự án mặc định Week để xem và cập nhập nếu cần thiết. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn More Action. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Người dùng nhấp chọn Manage Default Project. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn mặc định. |
| 5. Người dùng nhấp chọn Week. |  |
|  | 6. Hệ thống lấy dữ liệu toàn bộ Task từ CSDL và lọc Week rồi hiển thị. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người muốn xem và thao tác lên các Task trong Dự án mặc định Week. | |
| **Pre-condition:** | Phải tồn tại thông tin Project trong CSDL. | |
| **Post-condition:** | Trả về dữ liệu của Dự án mặc định Week để xem, trả về dữ liệu sau khi được cập nhập. | |

**9.5. Using Upcoming Project**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC9.5 | |
| **Use-case name:** | Using Upcoming Project | |
| **Actor(s)** | User | |
| **Summary** | Truy cập vào Dự án mặc định Upcoming để xem và cập nhập nếu cần thiết. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn More Action. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Người dùng nhấp chọn Manage Default Project. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn mặc định. |
| 5. Người dùng nhấp chọn Upcoming. |  |
|  | 6. Hệ thống lấy dữ liệu toàn bộ Task từ CSDL và lọc Upcoming rồi hiển thị. |
| **Alternative paths:** | Không. | |
| **Exception paths:** | Không. | |
| **Extension points:** | Không. | |
| **Triggers:** | Người muốn xem và thao tác lên các Task trong Dự án mặc định Upcoming. | |
| **Pre-condition:** | Phải tồn tại thông tin Project trong CSDL. | |
| **Post-condition:** | Trả về dữ liệu của Dự án mặc định Upcoming để xem, trả về dữ liệu sau khi được cập nhập. | |